

Số: 01/NQ-SAF/ĐHCĐ

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2019

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 12/4/2019 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 12/4/2019 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 12/4/2019 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco ngày 12 tháng 4 năm 2019 với cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho..... cổ phần đạt tỷ lệ% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã biểu quyết thông qua các Điều sau đây:

Điều 1. Thông qua các báo cáo sau đây

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị (HDQT) về kết quả hoạt động của HDQT năm 2018 và định hướng kế hoạch hoạt động năm 2019;

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

2. Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán;

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

3. Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và Phương hướng kế hoạch năm 2019;

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

Dvt: Đồng

| Stt | Diễn giải | Số tiền |
|-----|--|-----------------------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | 50.587.717.131 |
| | - Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN | 1.022.001.807 |
| | - Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN (hoãn lại) | 672.933.002 |

| Stt | Diễn giải | Số tiền |
|------------|--|-----------------------|
| 2 | Lợi nhuận chịu thuế TNDN | 52.282.651.940 |
| 3 | Thuế TNDN năm 2018 (20% TNCT) | 10.321.943.788 |
| | - Thuế TNDN hiện hành | 10.456.530.388 |
| | - Thuế TNDN hoãn lại | (134.586.600) |
| 4 | Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN | 40.265.773.343 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại để phân phối | 40.265.773.343 |
| 5.1 | Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện | 11.418.396.659 |
| | - Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LN sau thuế) | 4.026.577.334 |
| | - Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (15% LN sau thuế) | 6.039.866.002 |
| | - Trích Quỹ Khen thưởng Người Quản lý chuyên trách (2,24%) | 901.953.323 |
| | - Tham gia hoạt động từ thiện xã hội | 450.000.000 |
| 5.2 | Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện | 28.847.376.685 |
| 6 | Lợi nhuận chia cổ tức | 29.037.957.093 |
| | - Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện | 28.847.376.685 |
| | - Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại | 190.580.408 |
| 7 | Tỷ lệ trả cổ tức: 30% /Vốn điều lệ | 23.754.462.000 |
| 8 | Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2019 | 5.283.495.093 |

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 3. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu chính

- Tổng sản lượng bán ra : 14.100 tấn sản phẩm
- Tổng doanh thu : 1.035 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 57 tỷ đồng

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

Đvt: Đồng

| Stt | Diễn giải | Số tiền |
|------------|---|-----------------------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | 57.000.000.000 |
| 2 | Lợi nhuận chịu thuế TNDN | 57.000.000.000 |
| 3 | Thuế TNDN năm 2019 (20% TNCT) | 11.400.000.000 |
| 4 | Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN | 45.600.000.000 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại để phân phối | 45.600.000.000 |
| 5.1 | Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện | 12.871.440.000 |

| Stt | Diễn giải | Số tiền |
|------------|--|-----------------------|
| | - Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LN sau thuế) | 4.560.000.000 |
| | - Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (15% LN sau thuế) | 6.840.000.000 |
| | - Trích Quỹ Khen thưởng Người Quản lý chuyên trách (2,24%) | 1.021.440.000 |
| | - Tham gia hoạt động từ thiện xã hội | 450.000.000 |
| 5.2 | Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện | 32.728.560.000 |
| 6 | Lợi nhuận chia cổ tức | 38.012.055.093 |
| | - Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện | 32.728.560.000 |
| | - Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại | 5.283.495.093 |
| 7 | Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức: 30% /Vốn điều lệ | 23.754.462.000 |
| 8 | Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2020 | 14.257.593.093 |

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 4. Thông qua mức tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thù lao thành viên HĐQT, BKS và Thư ký năm 2019

- Tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách bình quân 54.000.000 đồng/tháng;
- Các thành viên HĐQT thù lao là 7.500.000 đồng/tháng;
- Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách bình quân 25.100.000 đồng/tháng;
- Các thành viên BKS thù lao là 6.500.000 đồng/tháng;
- Thư ký HĐQT thù lao là 5.000.000 đồng/tháng.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 5. Thông qua chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (gọi tắt là Hãng kiểm toán AASC) làm đơn vị thực hiện việc soát xét và kiểm toán cho các báo cáo tài chính trong năm 2019

Trong trường hợp không đàm phán được với Hãng kiểm toán AASC, Đại hội ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán khác nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán đối với Công ty Niêm yết.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 6. Thông qua trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2019, số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) tham gia công tác từ thiện xã hội năm 2019

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 7. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2018 - 2022)

1. Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2018 - 2022)

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

2. Thông qua Danh sách ứng viên ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2018 - 2022)

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

3. Đại hội đã tiến hành bầu bổ sung thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ IV (2018 - 2022) theo phương thức bầu dồn phiếu. Kết quả bầu cử như sau:

| Stt | Họ và tên | Tỷ lệ phiếu bầu/ Tổng số cổ phiếu có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội | Ghi chú |
|------------|------------------|---|----------------|
| 1 | Ông/Bà | | |

Điều 8. Triển khai thực hiện Nghị quyết

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 12/4/2019.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện đến Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2020.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA CUỘC HỌP
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Hoàng Thao